TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 26/9/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Đỗ Xuân Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nghiêm Văn Luyến.
2. Bà Dương Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Không.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST–DS ngày 09/9/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị T – sinh năm 1969(có mặt).
Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
* *Bị đơn*: Anh Lê Hồng N – sinh năm 1987.
Địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
(*Ngày 23/9/2019, anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019 và trình bày của nguyên đơn:

Bà Mai Thị T và anh Lê Hồng N có quen biết nhau. Ngày 06/10/2018 anh N đến nhà bà T hỏi vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để đảo sổ ngân hàng, bà T đồng ý và hai bên viết giấy vay tiền với thỏa thuận đến ngày 25/10/2018 anh N sẻ hoàn trả, lãi xuất được thỏa thuận bằng miệng. Đến hạn trả nợ bà T đã nhiều lần đến nhà anh N để hỏi nợ, nhưng anh N trốn tránh không trả. Nay bà T làm đơn đề nghị Tòa án buộc anh N phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc 50.000.000đ (*Năm*

mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi xuất 1%/tháng kể từ ngày 01/01/2019 cho đến khi trả hết nợ.

* Theo bị đơn anh Lê Hồng N trình bày: Anh và bà Mai Thị T có quen biết nhau, do khó khăn trong làm ăn nên anh đã đến vay bà T số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) vào ngày 06/10/2018 và hẹn đến ngày 25/10/2018 sẻ trả. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn chưa có điều kiện để trả số tiền trên cho bà T. Nay bà T khởi kiện đến Tòa án, anh đề nghị xin được trả dần đến tháng 8/2020 và xin không phải trả lãi xuất.

* Quá trình giải quyết tại Tòa án: Anh N thừa nhận có vay và còn nợ bà T số tiền gốc là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hôi đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Mai Thị T và anh Lê Hồng N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với "Hợp đồng vay tiền mặt" ngày 06/10/2018, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự đã làm bản tự khai nêu quan điểm và yêu cầu của mình. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải những vấn đề mà các bên đương sự yêu cầu, nhưng các bên đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Do vậy, ngày 09/9/2019, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Ngày 23/9/2019, anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 06/10/2018 anh Lê Hồng N đã viết giấy và ký nhận vay bà Mai Thị T số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) có thời gian trả nợ (ngày 25/10/2018), không thể hiện việc thế chấp, lãi xuất (có thỏa thuận bằng miệng). Hợp đồng có nội dung rõ ràng, người vay đã ký nhận, thuộc phạm vi mà pháp luật quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Như vậy là giao dịch hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của bà Mai Thị T: Đề nghị Tòa án buộc anh Lê Hồng N thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi xuất 1%/tháng từ ngày 01/01/2019 là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của anh Lê Hồng N: Ngày 06/10/2018, anh có vay bà T số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và viết giấy nhận vay nợ là có thật, do khó khăn về kinh tế nên đến nay anh vẫn chưa trả được cho bà T số tiền trên. Tuy nhiên, anh đề nghị xin được trả dần đến tháng 8/2020 và xin không tính lãi xuất. Đề nghị của anh N là không phù hợp với thực tế, không được bà T chấp nhận và không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, nên buộc anh N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đ(*Năm mươi triệu đồng*) và lãi xuất 1%/tháng tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử.

[5] Tại phiên tòa bà Mai Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T, các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và hòa giải, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Việc anh Lê Hồng N còn nợ số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) của bà Mai Thị T là đúng thực tế. Cho nên, buộc anh N phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc 50.000.000đ(*Năm mươi triệu đồng*) và lãi xuất được tính 1%/tháng từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử (là 08 tháng 26 ngày) = 4.433.000đ(*Bốn triệu, bốn trăm, ba mươi ba nghìn đồng*).

[6] Về án phí: Anh Lê Hồng N là bên vi phạm hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bà Mai Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 351; 463; 466 của Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T. Buộc anh Lê Hồng N phải trả cho bà Mai Thị T số tiền nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi 4.433.000đ. Tổng cộng là 54.433.000đ(*Năm mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không thi hành thì hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Buộc anh Lê Hồng N phải nộp số tiền 2.721.000đ(*Hai triệu, bảy trăm, hai mươi mốt nghìn đồng*) án phí dân sư sơ thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị T số

tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ(*Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005855, ngày 21 tháng 6 năm 2019.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Hùng